

**KẾ HOẠCH**  
**Thực hiện mục tiêu giảm nghèo xã Hòa Phong năm 2023**

Thực hiện Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch số 32-KH/TU ngày 17/8/2021 của Tỉnh ủy thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 23/6/2021 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030; Kế hoạch số 188/KH-UBND ngày 17 tháng 8 năm 2023 của UBND thị xã về thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững thị xã Mỹ Hào năm 2023;

Ủy ban nhân dân xã xây dựng Kế hoạch thực hiện mục tiêu giảm nghèo xã Hòa Phong năm 2023 cụ thể như sau:

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mục tiêu chung**

Thực hiện mục tiêu giảm nghèo đa chiều bền vững, hạn chế tái nghèo và phát sinh nghèo; hỗ trợ người nghèo vượt lên mức sống tối thiểu, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản (việc làm, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt và vệ sinh, thông tin), nâng cao chất lượng cuộc sống góp phần đảm bảo an sinh xã hội.

**2. Mục tiêu cụ thể**

a) Mục tiêu chủ yếu: Phấn đấu năm 2023, tỷ lệ hộ nghèo toàn xã giảm xuống còn 1,1% (theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025).

*(Phụ lục: Dự kiến tỷ lệ hộ nghèo xã Hòa Phong năm 2023).*

b) Các chỉ tiêu cần đạt được để giải quyết mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản đến năm 2023 cụ thể:

- Chiều thiếu hụt việc làm: 100% người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo có nhu cầu được hỗ trợ kết nối, tư vấn, định hướng nghề nghiệp, cung cấp thông tin thị trường lao động, hỗ trợ tìm việc làm.

- Chiều thiếu hụt về y tế: 100% người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ tham gia bảo hiểm y tế; Giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng cân nặng theo tuổi xuống còn 11% và tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng chiều cao theo tuổi xuống còn 12,5%.

- Chiều thiếu hụt về giáo dục, đào tạo: Trên 99% trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đi học đúng độ tuổi; Tỷ lệ người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo qua đào tạo đạt 54%, trong đó có bằng cấp chứng chỉ

đạt 22%; 100% người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp có nhu cầu được hỗ trợ đào tạo kỹ năng nghề phù hợp.

- Chiếu thiếu hụt về nhà ở: Hỗ trợ xây mới, sửa chữa khoảng 3 căn nhà cho hộ nghèo, hộ cận nghèo có khó khăn về nhà ở.

- Chiếu thiếu hụt về nước sinh hoạt và vệ sinh: 100% hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; 80% hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh.

- Chiếu thiếu hụt về thông tin: 75% hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhu cầu được tiếp cận sử dụng các dịch vụ viễn thông, internet.

## **II. THỜI GIAN, PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG**

1. Thời gian: Năm 2023

2. Phạm vi: Kế hoạch được thực hiện trên phạm vi toàn thị xã, ưu tiên địa phương có tỷ lệ hộ nghèo cao.

3. Đối tượng:

a) Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, ưu tiên hỗ trợ hộ có thành viên là người có công với cách mạng; trẻ em, người khuyết tật, phụ nữ thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

b) Các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan.

## **III. NỘI DUNG THỰC HIỆN**

1. Thực hiện các dự án Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025

a) Các dự án, tiểu dự án gồm:

- Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo

- Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng

- + Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp

- + Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng

- Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững

- + Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững

- Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin

- + Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin

- + Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều

- Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình

+ Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình

+ Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá

b) Mục tiêu, đối tượng, nội dung hỗ trợ của các dự án, tiểu dự án thực hiện theo khoản 1 Mục IV của Kế hoạch số 29/KH-UBND ngày 15/8/2022 của UBND xã về thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững xã Hòa Phong giai đoạn 2022-2025.

c) Các nội dung chi tiết, cụ thể của từng dự án, tiểu dự án thực hiện theo hướng dẫn tại các văn bản của các bộ, ngành được phân công chủ trì.

2. Thực hiện đồng bộ các chính sách giảm nghèo khác

a) Phát triển giáo dục nghề nghiệp tạo việc làm

- Phát triển giáo dục nghề nghiệp cả về quy mô và chất lượng đào tạo phù hợp với xu hướng chuyển dịch cơ cấu lao động, hỗ trợ đào tạo nghề cho người nghèo.

- Tăng cường công tác tuyển sinh theo hướng tiếp cận nhu cầu thực tế của người học và nhu cầu của xã hội, phù hợp với cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động của thị xã; chú trọng tuyển sinh trình độ cao đối với ngành nghề trọng điểm, ngành nghề phục vụ các lĩnh vực kinh tế mũi nhọn của thị xã; ưu tiên tuyển sinh lao động thuộc các nhóm đối tượng đặc thù, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo.

b) Hỗ trợ về y tế

- Thực hiện hiệu quả các chính sách bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định; phát huy hiệu quả Quỹ khám, chữa bệnh cho người nghèo trên địa bàn xã.

- Tiếp tục nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe cộng đồng, chú trọng công tác phòng bệnh từ cơ sở; ưu tiên đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế phục vụ khám chữa bệnh tại các cơ sở y tế, đảm bảo mọi người dân, nhất là người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo được tiếp cận với dịch vụ y tế hiệu quả nhất.

c) Hỗ trợ vay vốn tín dụng ưu đãi

Củng cố và nâng cao chất lượng tín dụng chính sách trên địa bàn, tăng cường nguồn vốn ủy thác từ ngân sách các cấp sang Ngân hàng Chính sách xã hội để cùng nguồn vốn trung ương đảm bảo 100% hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và các đối tượng chính sách khác có nhu cầu và đủ điều kiện đều được tiếp cận nguồn vốn tín dụng ưu đãi theo quy định.

d) Hỗ trợ về nhà ở: Rà soát hỗ trợ nhà ở (bao gồm sửa chữa và xây mới) cho hộ nghèo, hộ cận nghèo chưa có nhà ở hoặc đã có nhà ở nhưng nhà ở hư hỏng, dột nát, có nguy cơ sập đổ và không có khả năng tự cải thiện nhà ở được hỗ trợ kịp thời, có nhà ở an toàn, ổn định.

e) Hỗ trợ về giáo dục

- Triển khai thực hiện chính sách miễn, giảm học phí; hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em mầm non, học sinh, thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định.

- Nâng cao chất lượng giáo dục mầm non và phổ thông; triển khai hiệu quả các chương trình, đề án, dự án về giáo dục đào tạo, chú trọng đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo.

- Đẩy mạnh công tác xã hội hóa trong giáo dục, khuyến khích xây dựng, mở rộng “Quỹ khuyến học”, tạo điều kiện cho trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đến trường.

g) Hỗ trợ về nước sinh hoạt và vệ sinh: Huy động tối đa nội lực, thực hiện lồng ghép vốn để đẩy mạnh cấp nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường, nhất là môi trường nông thôn; tiếp tục thực hiện chính sách đầu tư công trình cấp nước sạch nông thôn; tăng cường hỗ trợ đầu tư các công trình vệ sinh môi trường nông thôn gồm hệ thống thu gom xử lý rác thải, nước thải.

h) Trợ giúp pháp lý

Thực hiện trợ giúp pháp lý miễn phí cho người nghèo, cận nghèo đảm bảo 100% người nghèo, người cận nghèo có nhu cầu được trợ giúp pháp lý nhằm nâng cao hiểu, biết quyền, nghĩa vụ của công dân và chủ động tiếp cận chính sách trợ giúp của Nhà nước, góp phần mở rộng việc thực thi dân chủ ở cơ sở.

i) Các chính sách an sinh xã hội khác

- Tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo; chính sách trợ giúp xã hội đối với các đối tượng bảo trợ xã hội, đối tượng yếu thế..., tổ chức triển khai kịp thời Nghị quyết số 345/2023/NQ-HĐND ngày 22/3/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội và chính sách trợ giúp xã hội đối với một số đối tượng Bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh.

Triển khai, thực hiện chính sách hỗ trợ khuyến khích sử dụng hình thức hỏa táng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2023-2025 theo Nghị quyết số 338/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 về quy định chính sách hỗ trợ khuyến khích sử dụng hình thức hỏa táng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2023-2025 đảm bảo theo quy định.

k) thực hiện hiệu quả Phong trào “Vì người nghèo – không để ai bị bỏ lại phía sau”

- Tăng cường vận động nguồn lực từ xã hội hóa, phát huy hiệu quả sử dụng nguồn Quỹ “Vì người nghèo” các cấp.

#### **IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

Kinh phí hoạt động thường xuyên do ngân sách đảm bảo; kinh phí đảm bảo xã hội hàng năm của xã; vốn tín dụng để cho vay thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội; Quỹ “Vì người nghèo”; vận động xã hội hóa và các nguồn vốn hợp pháp khác.

#### **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Ban Chỉ đạo thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia xã (sau đây viết tắt là Ban Chỉ đạo xã): Chịu trách nhiệm giúp UBND xã chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch.

##### **1. Công chức VH-XH (theo dõi LĐ-TB&XH) xã**

Tham mưu UBND xã xây dựng Kế hoạch; phối hợp với các ban ngành đoàn thể, các thôn tổ chức triển khai, thực hiện Kế hoạch theo chức năng, nhiệm vụ.

Triển khai các chính sách giảm nghèo và Dự án, tiểu dự án trong Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: Chính sách phát triển giáo dục nghề nghiệp tạo việc làm; Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo; Tiểu Dự án 3 thuộc Dự án 4: Hỗ trợ việc làm bền vững; Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 6: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều; Dự án 7: Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp, giám sát, đánh giá Chương trình; tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

Hướng dẫn các thôn tổ chức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm đảm bảo theo đúng quy định, phản ánh đúng thực trạng đời sống của người dân, từ đó làm cơ sở xây dựng thực hiện các chính sách giảm nghèo, an sinh xã hội và các chính sách phát triển kinh tế - xã hội khác của địa phương.

Phối hợp với các ban ngành đoàn thể liên quan tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch và tổng hợp báo cáo UBND xã, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội theo quy định.

##### **2. Công chức Tài chính**

Phối hợp với các ban ngành đoàn thể liên quan tổng hợp, dự kiến kinh phí trình Ủy ban nhân dân xã bố trí đảm bảo nguồn lực để triển khai thực hiện các chương trình, dự án và các chính sách giảm nghèo nhằm thực hiện hiệu quả Kế hoạch đã đề ra.

Triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện cho người nghèo.

##### **3. Công chức địa chính giao thông thủy lợi**

Phối hợp với các ban ngành đoàn thể, các thôn triển khai các chính sách giảm nghèo và tiểu dự án trong Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực

nông nghiệp; Chính sách hỗ trợ nước sạch trong sinh hoạt; tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

Thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới gắn với Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

#### **4. Trạm y tế xã**

Triển khai các chính sách giảm nghèo và tiêu dự án trong Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: Tiêu dự án 2 thuộc Dự án 3: Cải thiện dinh dưỡng; Chính sách hỗ trợ về y tế; Chính sách hỗ trợ nhà tiêu hợp vệ sinh; Quản lý và sử dụng hiệu quả Quỹ khám chữa bệnh cho người nghèo; tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

Lồng ghép lĩnh vực quản lý của ngành, đề xuất đầu tư, nâng cấp các cơ sở khám chữa bệnh; nâng cao chất lượng khám chữa bệnh tại trạm y tế xã.

**5. Các cấp trường:** Triển khai thực hiện hiệu quả Chính sách hỗ trợ về giáo dục.

**6. Công chức địa chính xây dựng:** Triển khai thực hiện hiệu quả Chính sách hỗ trợ hộ nghèo có khó khăn về nhà ở trên địa bàn xã.

#### **7. Công chức VH-XH xã**

Triển khai Tiêu dự án 1 thuộc Dự án 6 trong Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: Giảm nghèo về thông tin; tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

Tuyên truyền phổ biến các chính sách, chủ trương của Đảng và Nhà nước, của xã về giảm nghèo bền vững; các mô hình, cách làm hay, sáng tạo có hiệu quả, các tổ chức, cá nhân điển hình tiên tiến, các tấm gương tiêu biểu trong công tác giảm nghèo.

**8. Các ban ngành đoàn thể:** Tổ chức quản lý, đảm bảo thực hiện hiệu quả nguồn vốn tín dụng ưu đãi cho hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách khác theo đúng quy định.

**9. Công chức Tư pháp:** Chủ trì, phối hợp triển khai Chính sách trợ giúp pháp lý cho người nghèo và các đối tượng khác.

**10. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và các tổ chức thành viên, các tổ chức liên quan**

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch.

Tiếp tục phát huy vai trò nòng cốt, vận động sự tham gia của xã hội, cộng đồng trong công tác giảm nghèo; Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên và các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia thực hiện chương trình giảm nghèo bền vững;

Tiếp tục xây dựng và sử dụng có hiệu quả quỹ “Vì người nghèo”, thực hiện tốt Tháng cao điểm vì người nghèo, kêu gọi các tổ chức, cá nhân chung tay ủng hộ giúp đỡ để người nghèo vươn lên thoát nghèo bền vững.

Thực hiện tốt vai trò giám sát, phản biện xã hội trong quá trình thực hiện triển khai các chính sách giảm nghèo.

## **VI. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO**

1. Căn cứ nội dung Kế hoạch, Các ban ngành đoàn thể xã, các thành viên liên, các thôn thực hiện báo cáo định kỳ kết quả thực hiện về Ban Chỉ đạo xã qua Công chức VH-XH (theo dõi LĐ-TB&XH)

2. Công chức VH-XH (theo dõi LĐ-TB&XH) chịu trách nhiệm theo dõi, tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch về Ban Chỉ đạo xã, Ủy ban nhân dân xã./.

### **Nơi nhận:**

- Phòng LĐ-TB&XH thị xã;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND xã;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam xã;
- Các ban ngành đoàn thể xã;
- Các thôn;
- Lưu VT, LĐTBXH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Phạm Văn Súng**

**DỰ KIẾN TỶ LỆ HỘ NGHÈO XÃ HÒA PHONG NĂM 2023**  
*(Kèm theo Kế hoạch số 68/KH-UBND ngày 24/8/2023 của UBND xã)*

| Stt               | Thôn      | Năm 2022          |                  |                    | Năm 2023          |                  |                    |
|-------------------|-----------|-------------------|------------------|--------------------|-------------------|------------------|--------------------|
|                   |           | Tổng số hộ dân cư | Tổng số hộ nghèo | Tỷ lệ hộ nghèo (%) | Tổng số hộ dân cư | Tổng số hộ nghèo | Tỷ lệ hộ nghèo (%) |
| 1                 | Hoà Đam   | 535               | 9                | 1.68               | 539               | 5                | 0.93               |
| 2                 | Hoà Lạc   | 412               | 6                | 1.46               | 415               | 4                | 0.96               |
| 3                 | Thuần Mỹ  | 395               | 6                | 1.52               | 400               | 4                | 1.00               |
| 4                 | Phúc Miếu | 285               | 5                | 1.75               | 287               | 3                | 1.05               |
| 5                 | Vân Dương | 795               | 12               | 1.51               | 798               | 8                | 1.00               |
| 6                 | Phúc Thọ  | 295               | 5                | 1.69               | 297               | 3                | 1.01               |
| 7                 | Phúc Lai  | 263               | 4                | 1.52               | 265               | 3                | 1.13               |
| <b>Tổng cộng:</b> |           | <b>2980</b>       | <b>47</b>        | <b>1.58</b>        | <b>3001</b>       | <b>30</b>        | <b>1.00</b>        |